

Số: 291/2024/QĐST-HNGĐ

T, ngày 25 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 444/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thượng Tịnh G, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Thượng Tịnh G, sinh năm 1995 và chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trần Thượng Tịnh G và chị Nguyễn Thị Thu N có 02 (hai) con chung tên là Trần Nguyễn Tịnh N1, sinh ngày 17/11/2016 và Trần Nguyễn Tịnh N2, sinh ngày 03/6/2018. Hiện nay cháu N1 đang sống với anh G, cháu N2 đang sống với chị N. Ly hôn, anh G và chị N thống nhất thoả thuận giao cháu N1 cho anh G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu N2 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh G và chị N thống nhất tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh G và chị N có mượn bà H số tiền 50.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) và đã trả được 32.000.000 đồng (*ba mươi hai triệu đồng*), còn số tiền 18.000.000 đồng (*mười tám triệu đồng*) bà H cho anh G 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*) và cho chị N 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*) nên hiện nay anh G và chị N không còn nợ bà H khoản tiền nào. Do đó anh G, chị N và bà H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Thượng Tịnh G tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005668 ngày 29/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên nên hoàn lại cho anh G số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Các đương sự;
- UBND xã A, H. T;
- (Số 28 ngày 03/4/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Tân Sang